TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành.

2. Bà Trần Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Anh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cái Thị Thùy T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Khắc T1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 03/11/2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Cái Thị Thùy T trình bày như sau: Nguyên đơn và anh Lê Khắc T1 quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 03/5/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên

nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Quá trình chung sống, anh T1 tỏ ra không tin tưởng chị T, xúc phạm chị T, nghi ngờ chị T có mối quan hệ với người đàn ông khác. Gia đình hai bên nội ngoại cũng đã khuyên giải, nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Lê Khắc T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị Cái Thị Thùy T trình bày vợ chồng có hai người con chung tên là Lê Khắc C N, sinh ngày 24/11/2003 và Lê Hà L, sinh ngày 05/12/2008. Chị T yêu cầu giao hai người con chung cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Lê Khắc T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cái Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Cái Thị Thùy T đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy chứng minh nhân dân Cái Thị Thùy T; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao sổ hộ khẩu gia đình; bản sao giấy khai sinh Lê Khắc C N, Lê Hà L.

Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Lê Khắc T1. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, anh T1 đã đến Tòa án trình bày: Về quá trình tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và thời điểm đăng ký kết hôn như chị Cái Thị Thùy T đã trình bày là đúng. Về nguyên nhân để xảy ra mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày thì anh T1 cũng thừa nhận anh có phần sai trái, vợ chồng có nhiều lần cãi nhau, anh T1 đôi lúc uống rượu say có nặng lời với chị T. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Cái Thị Thùy T thì anh T1 không đồng ý vì anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Về con chung, anh T1 cũng thừa nhận vợ chồng có hai người con chung tên là Lê Khắc C N, sinh ngày 24/11/2003 và Lê Hà L, sinh ngày 05/12/2008, hiện nay cả hai người con chung đang sống với chị T; tuy nhiên, anh T1 không đồng ý giao hai người con chung cho chị T, mà anh yêu cầu giao cả hai người con chung cho anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chị Cái Thị Thùy T chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Khắc T1

cơ bản chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, anh T1 đã không có mặt trong phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/12/2017 và ngày 27/12/2017, vắng mặt tại phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân, chị Cái Thị Thùy T và anh Lê Khắc T1 kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/5/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên việc kết hôn là hợp pháp. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, anh T1 không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T với anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, chị T và anh T1 có hai người con chung tên là Lê Khắc C N, sinh ngày 24/11/2003 và Lê Hà L, sinh ngày 05/12/2008, hiện nay cả hai người con chung đang sống với chị T; chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai người con chung; tuy nhiên, xét điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng thì chị T có đủ điều kiện hơn anh T1 để đảm bảo cho hai người con chung được phát triển toàn diện, phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những lập luận trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cái Thị Thùy T. Về con chung: Đề nghị giao hai người con chung tên là Lê Khắc C N, sinh ngày 24/11/2003 và Lê Hà L, sinh ngày 05/12/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng đối với việc xét xử vắng mặt bị đơn: Sau khi hoãn phiên tòa sơ thẩm ngày 18/01/2018, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự và ấn định lại thời gian mở phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 25/01/2018. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lê Khắc T1 vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cái Thị Thùy T và anh Lê Khắc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị T và anh T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị T và anh T1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau, vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng nhau, chị T và anh T1 đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Mặc dù anh T1 có ý kiến xin hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nhưng qua hòa giải tại Tòa án, anh T1 không tìm những giải pháp phù hợp để hòa giải, khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng.

Anh T1 vắng mặt trong các phiên hòa giải ngày 20/12/2017, ngày 27/12/2017, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/01/2018 và tại phiên tòa hôm nay (25/01/2018); chứng tỏ anh T1 thực sự không mong muốn đoàn tụ vợ chồng; trong khi chị T cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 là không thể khắc phục được, chị T và anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cái Thị Thùy T; không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Lê Khắc T1.

[3] Về con chung: Chị Cái Thị Thùy T và anh Lê Khắc T1 có hai người con chung tên là Lê Khắc C N, sinh ngày 24/11/2003 và Lê Hà L, sinh ngày 05/12/2008, hiện nay cả hai người con chung đang sống với chị T. Xét thấy, cả chị T và anh T1 đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung; tuy nhiên, xét điều kiện chăm sóc và khả năng để đảm bảo cho những người con chung được phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần thì chị T có đủ điều kiện hơn anh T1; mặt khác nguyện vọng của hai người con chung Lê Khắc C N, Lê Hà L mong muốn được tiếp tục sống với chị T, nên cần giao hai người con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cái Thị Thùy T và anh Lê Khắc T1 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cái Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cái Thị Thùy T, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Lê Khắc T1; chị Cái Thị Thùy T được ly hôn anh Lê Khắc T1.

2. Về việc nuôi con: Giao hai người con chung tên là Lê Khắc C N, sinh ngày 24/11/2003 và Lê Hà L, sinh ngày 05/12/2008 cho chị Cái Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lê Khắc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Khắc T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cái Thị Thùy T và anh Lê Khắc T1 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị Cái Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/001692, ngày 13/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Ngọc Tú